

藥品名稱及功用(越南文)
Tên thuốc và chức năng

項次	品名 Tên thuốc	用法 Cách sử dụng	功用 Chức năng	使用禁忌 Chống chỉ định
1	理冒伯樂止痛 Fucole Paran Tablets Thuốc giảm đau Limaio Bole	每次1顆/一天3 次 Mỗi lần 1 viên, ngày 3 lần	退燒,止痛(緩解頭痛,牙 痛,咽喉痛,關節痛,神經 痛,肌肉酸痛,月經疼痛) Hạ sốt, giảm đau (giảm đau đầu, đau răng, đau họng, đau khớp, đau dây thần kinh, đau nhức cơ, đau bụng kinh)	1. 曾發生藥物過敏症狀者 Những người đã từng trải qua các triệu chứng dị ứng thuốc 2. 不可與酒精併用 Không sử dụng với rượu 3. 每日服用Acetaminophen成分不 宜超過4000毫克 Lượng acetaminophen hấp thụ hàng ngày không được vượt quá 4000 mg.
2	咳炎淨膠囊 Cotazym Capsules Thuốc chống ho sạch đờm	每次1顆/一天3 次 Mỗi lần 1 viên, ngày 3 lần	鎮咳、祛痰 chống ho và long đờm	1. 曾發生藥物過敏症狀者 Những người đã từng trải qua các triệu chứng dị ứng thuốc 2. 正在使用MAOI治療的患者 Bệnh nhân hiện đang được điều trị bằng thuốc MAOI.
3	理冒永克風膠囊 Fucole Cold Capsules Thuốc Làm giảm các triệu chứng cảm cúm	每次1顆/一天3 次 Mỗi lần 1 viên, ngày 3 lần	緩解感冒之各種症狀 (鼻塞、流鼻水、打噴 嚏、咽喉痛、發燒、頭 痛、關節痛、肌肉痛) Làm giảm các triệu chứng của Cảm cúm (ngẹt mũi, chảy nước mũi, hắt hơi, đau họng, sốt, đau đầu, đau khớp, đau cơ)	1. 曾發生藥物過敏症狀者 Những người đã từng trải qua các triệu chứng dị ứng thuốc 2. 這個藥可能會導致暈眩，服用藥物 後不要開車或使用危險機械 Thuốc này có thể gây chóng mặt. Không lái xe hoặc sử dụng máy móc nguy hiểm sau khi uống thuốc. 3. 不可與酒精併用 Không sử dụng với rượu 4. 每日服用Acetaminophen成分不 宜超過4000毫克。 Lượng acetaminophen hấp thụ hàng ngày không được vượt quá 4000 mg. 5. 不要服用本藥超過七日 Không sử dụng thuốc này quá bảy ngày. 6. 避免再服用含咖啡因藥品、飲料 Tránh dùng thuốc và đồ uống có chứa caffein
4	秘福糖衣 Conslife S.C. Tablets Thuốc điều trị táo bón	每次1顆/一天2 次 Mỗi lần 1 viên, ngày 2 lần	便秘及緩和便秘所伴生 之下列諸症狀：腹部膨 滿、腸內異常發酵、食 慾不振 Táo bón và làm giảm các triệu chứng táo bón dưới đây: chướng bụng, lên men ruột bất thường, chán ăn	1. 曾發生藥物過敏症狀者 Những người đã từng trải qua các triệu chứng dị ứng thuốc 2. 孕婦不宜大量服用 Phụ nữ mang thai không nên dùng liều cao. 3. 長期使用可能因耐藥性增大而藥效 減弱 Sử dụng lâu dài có thể làm giảm hiệu quả do tăng khả năng khá ng thuốc. 4. 痙攣性便秘、肛門裂創、潰瘍性痔

				核者禁用 Chống chỉ định cho những bệnh nhân bị táo bón co thắt, nứt hậu môn và trĩ loét 5. 懷疑為急性腹部症狀、痙攣性便秘之患者禁用 Chống chỉ định ở những bệnh nhân nghi ngờ đau bụng cấp hoặc táo bón co thắt
5	維朗糖衣 Vilon S.C. Tablets Thuốc bổ sung vitamin B	每次1顆/一天1次 Mỗi lần 1 viên, ngày 1 lần	維生素B群補充劑 Bổ sung vitamin nhóm B	1. 曾發生藥物過敏症狀者 Những người đã từng trải qua các triệu chứng dị ứng thuốc 2. 嚴重肝腎機能障礙患者，血液凝固不正常，及服用抗凝血劑者，需特別小心謹慎 Cần đặc biệt thận trọng ở những bệnh nhân bị suy gan hoặc suy thận nặng, rối loạn đông máu hoặc đang dùng thuốc chống đông máu. 3. 遇有消化器潰瘍，重症的肝，腎機能障礙或血液 凝固機能不全時不可使用本劑 Không sử dụng thuốc này nếu bạn bị loét dạ dày tá tràng, suy gan, suy thận nặng hoặc rối loạn chức năng đông máu. 4. 接受手術(拔牙)請告知(牙)醫師正在服用本藥 Nếu bạn đang trải qua phẫu thuật (nhổ răng), vui lòng thông báo cho nha sĩ của bạn rằng bạn đang dùng thuốc này 5. 伴有感染症者宜併用適宜抗生物質或化學療法劑 Bệnh nhân mắc bệnh truyền nhiễm nên được điều trị bằng thuốc kháng sinh hoặc thuốc hóa trị thích hợp
6	允消菌軟膏 Winsolve-B Ointment Thuốc mỡ diệt khuẩn	一天3次 ngày 3 lần	緊急處理、預防因皮膚外傷(如刀傷、擦傷、刺傷、抓傷、磨傷、輕微燙傷)造成的感染或減緩傷口之感染 Điều trị khẩn cấp, phòng ngừa nhiễm trùng do vết thương da (như vết thương dao, trầy xước, vết đâm, vết xước, vết bỏng nhẹ) làm nhiễm trùng hoặc làm chậm quá trình nhiễm trùng của vết thương	1. 曾發生藥物過敏症狀者 Những người đã từng trải qua các triệu chứng dị ứng thuốc 2. 不得施於眼睛四周或黏膜(口腔、鼻腔、陰道、陰囊、外陰部等)、濕疹、潰爛、龜裂或嚴重外傷之患部 Không sử dụng cho vùng quanh mắt hoặc niêm mạc (khoang miệng, khoang mũi, âm đạo, bìu, âm hộ, v.v.) hoặc vùng da bị chàm, loét, nứt nẻ hoặc chấn thương nghiêm trọng 3. 使用後請保持塗抹部位透氣，勿密封，以免增加副作用 Sau khi sử dụng, vui lòng giữ cho vùng bôi thuốc được thông thoáng và không bịt kín để tránh làm tăng tác dụng phụ. 4. 勿使用大面積之體表(勿超過兩手掌面積為參考)

				Không sử dụng trên diện tích lớn của cơ thể (không vượt quá diện tích của hai lòng bàn tay làm tham chiếu) 5. 使用部位或周圍有髒汙請清洗乾淨後用藥 Nếu có bụi bẩn ở vùng bôi thuốc hoặc vùng xung quanh, vui lòng vệ sinh sạch sẽ trước khi sử dụng thuốc
7	允消舒黴乳膏10公絲/公克 Winsolve Sulnafine Cream Thuốc kem điều trị nấm 10 centigam/gram	一天3次 ngày 3 lần	治療皮膚表淺性黴菌感染，如足癬(香港腳)、體癬、股癬、汗斑 Điều trị các bệnh nhiễm nấm trên da, như nấm chân (nấm da chân), nấm thân, nấm bẹn và lang ben	1. 曾發生藥物過敏症狀者 Những người đã từng trải qua các triệu chứng dị ứng thuốc 2. 不得施於眼睛四周或黏膜(口腔、鼻腔、陰道、陰囊、外陰部等)、濕疹、潰爛、龜裂或嚴重外傷之患部 Không sử dụng cho vùng quanh mắt hoặc niêm mạc (khoang miệng, khoang mũi, âm đạo, bìu, âm hộ, v.v.) hoặc vùng da bị chàm, loét, nứt nẻ hoặc chấn thương nghiêm trọng 3. 使用後請保持塗抹部位透氣，勿密封，以免增加副作用 Sau khi sử dụng, vui lòng giữ cho vùng bôi thuốc được thông thoáng và không bịt kín để tránh làm tăng tác dụng phụ 4. 勿使用大面積之體表(勿超過兩手掌面積為參考) Không sử dụng trên diện tích lớn của cơ thể (không vượt quá diện tích của hai lòng bàn tay làm tham chiếu) 5. 使用部位或周圍有髒汙請清洗乾淨後用藥 Nếu có bụi bẩn ở vùng bôi thuốc hoặc vùng xung quanh, vui lòng vệ sinh sạch sẽ trước khi sử dụng thuốc
8	非炎酸痛水性貼布 Voren Patch Cao dán giảm đau không viêm gốc nước	必要時 Khi cần thiết	短期使用以緩解因發炎反應引起之局部疼痛 Sử dụng thời gian ngắn có thể làm giảm đau Ở chỗ có phản ứng bị viêm	1. 曾發生藥物過敏症狀者 Những người đã từng trải qua các triệu chứng dị ứng thuốc 2. 非類固醇抗發炎藥(NSAIDs)可能會影響懷孕和 / 或胚胎 / 胎兒發育 Thuốc chống viêm không steroid (NSAID) có thể ảnh hưởng đến thai kỳ và/hoặc sự phát triển của phôi thai/thai nhi 3. 懷孕30週以上之孕婦，應避免使用。 Phụ nữ mang thai trên 30 tuần nên tránh sử dụng 4. 週之孕婦，用藥前須經醫師確認有使用必要，並以最低有效劑量及最短期間治療；若治療時間超過48小時，可能需要以超音波監測羊水狀態。 Phụ nữ mang thai từ tuần thứ 20

				đến tuần thứ 30 của thai kỳ phải có xác nhận của bác sĩ về việc thuốc là cần thiết trước khi sử dụng và nên được điều trị bằng liều thấp nhất có hiệu quả và thời gian ngắn nhất. Nếu thời gian điều trị vượt quá 48 giờ, có thể cần theo dõi siêu âm tình trạng nước ối. 5. 未滿20週之孕婦及可能懷孕婦女，使用前請先諮詢醫師藥師藥劑生。 Phụ nữ mang thai dưới 20 tuần hoặc phụ nữ có khả năng mang thai nên tham khảo ý kiến bác sĩ, dược sĩ hoặc dược sĩ trước khi sử dụng.
9	非炎凝膠 Voren-G Gel Thuốc mát không gây viêm	必要時 Khi cần thiết	短期使用以緩解因發炎反應引起之局部疼痛 Sử dụng thời gian ngắn có thể làm giảm đau Ở chỗ có phản ứng bị viêm	1. 曾發生藥物過敏症狀者 Những người đã từng trải qua các triệu chứng dị ứng thuốc 2. 不得施於眼睛四周或黏膜(口腔、鼻腔、陰道、陰囊、外陰部等)、濕疹、潰爛、龜裂或嚴重外傷之患部 Không sử dụng cho vùng quanh mắt hoặc niêm mạc (khoang miệng, khoang mũi, âm đạo, bìu, âm hộ, v.v.) hoặc vùng da bị chàm, loét, nứt nẻ hoặc chấn thương nghiêm trọng 3. 使用後請保持塗抹部位透氣，勿密封，以免增加副作用 Sau khi sử dụng, vui lòng giữ cho vùng bôi thuốc được thông thoáng và không bịt kín để tránh làm tăng tác dụng phụ 4. 勿使用大面積之體表(勿超過兩手掌面積為參考) Không sử dụng trên diện tích lớn của cơ thể (không vượt quá diện tích của hai lòng bàn tay làm tham chiếu) 5. 使用部位或周圍有髒汙請清洗乾淨後用藥 Nếu có bụi bẩn ở vùng bôi thuốc hoặc vùng xung quanh, vui lòng vệ sinh sạch sẽ trước khi sử dụng thuốc